

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

IDC, GEX

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị kê mua trở lại từng phần khi các mã mục tiêu riêng lẻ quay lại các vùng hỗ trợ (tùy mức độ chấp nhận rủi ro để lựa các điểm đỡ nông hay sâu) hoặc khi chỉ số chung quay xuống điểm đỡ quanh 1170 (+-10) (kịch bản khó xảy ra hơn, tương ứng khi các mã về vùng hỗ trợ sâu).

22/02/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,227.31	-0.22
VN30	1,239.90	-0.18
HĐTL VN30F1M	1,238.00	-0.16
HNXIndex	234.01	+0.07
HNX30	498.30	-0.19
UPCoM	90.57	-0.04
USD/VND	24,603	+0.29
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.34	+2
Lãi suất qua đêm (%)	3.77	+15
Dầu (WTI, \$)	78.22	+0.40
Vàng (LME, \$)	2,030.39	+0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,227.31 (-0.22%)
KLGD (triệu CP) 795.0 (-1.4%)
GTGD (triệu US\$) 729.6 (-20.8%)

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 938.03 tỷ đồng, tập trung tại HPG (-0.87%), VPB (-0.25%), MSN (+0.15%).

HNXIndex 234.01 (+0.07%)
KLGD (triệu CP) 81.5 (+8.0%)
GTGD (triệu US\$) 57.6 (+17.6%)

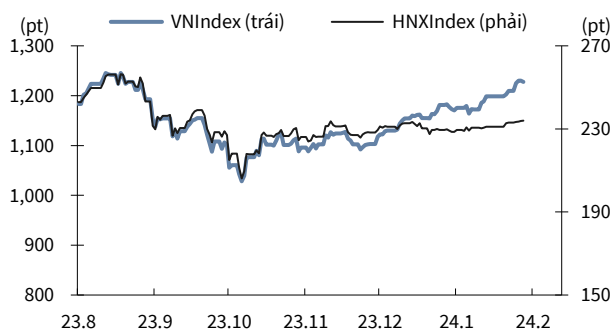
Những ngày đầu năm 2024, giá tôm, cá tra thương phẩm tại các tỉnh thành miền Tây đã bắt đầu tăng 6,000 - 15,000 đồng/kg tùy theo kích cỡ. Cổ phiếu nhóm Thủy sản tăng giá ở ASM (+1.85%), MPC (+1.73%).

UPCoM 90.57 (-0.04%)
KLGD (triệu CP) 55.0 (+52.6%)
GTGD (triệu US\$) 28.0 (+36.3%)

Ngành dệt may Việt Nam đặt mục tiêu xuất khẩu 44 tỷ USD năm 2024 với những nỗ lực từ cải thiện quản lý đến điều hành cũng như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Cổ phiếu nhóm Dệt may tăng giá ở GIL (+3.34%), ADS (+1.92%).

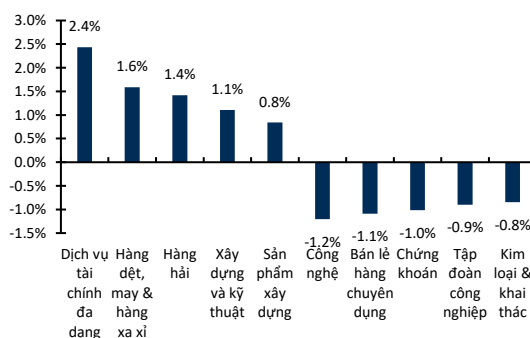
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -37.5

VNIndex & HNXIndex



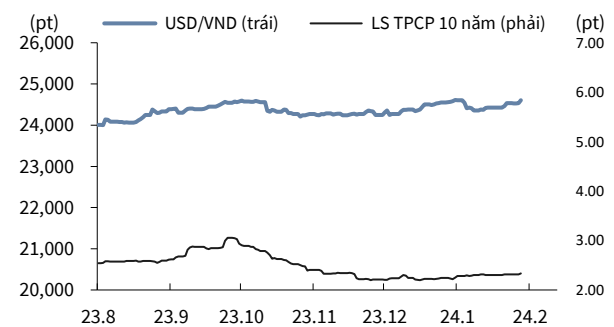
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



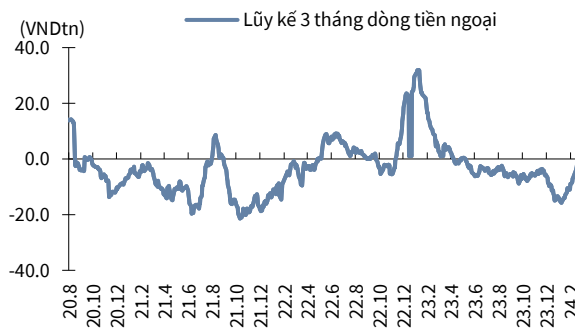
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

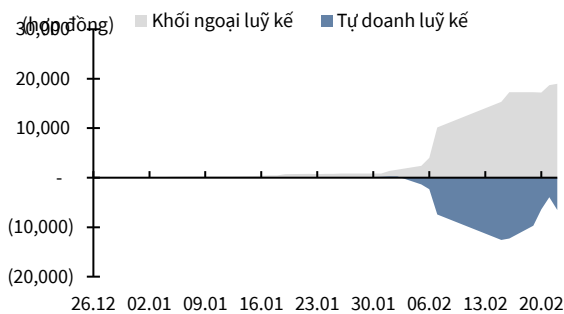
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,239.90 (-0.18%)
VN30F1M	1,238.0 (-0.16%)
Mở cửa	1,240.1
Cao nhất	1,242.6
Thấp nhất	1,235.5
KLGD (HĐ)	133,156 (-32.0%)

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa ở mức -1.78 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.65 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.9 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

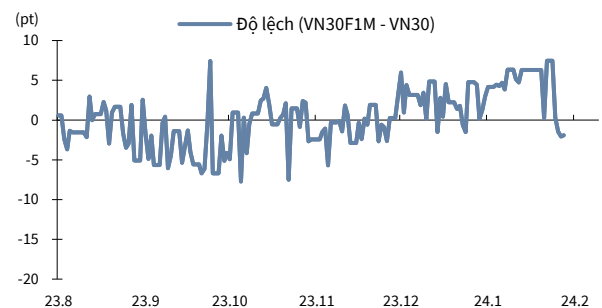
Khối ngoại mua ròng 285 HĐTL VN30F2403 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 18,974 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 2,614 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 6,536 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



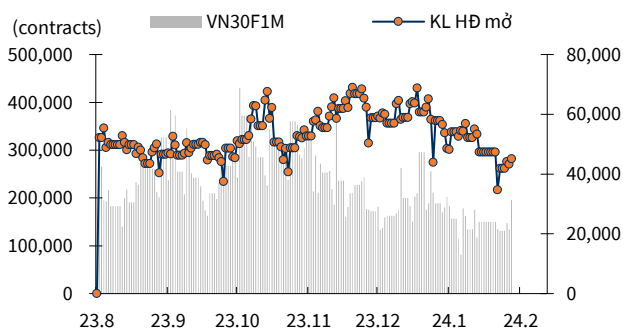
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



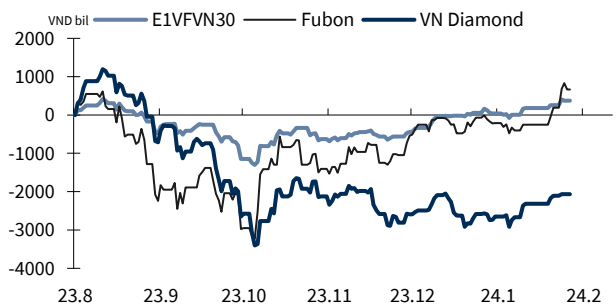
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

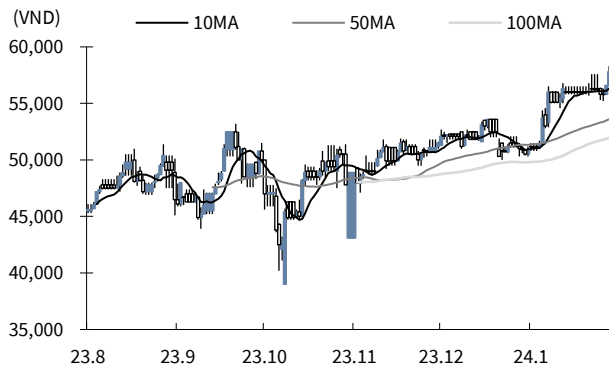
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng công ty IDICO – CTCP (IDC)

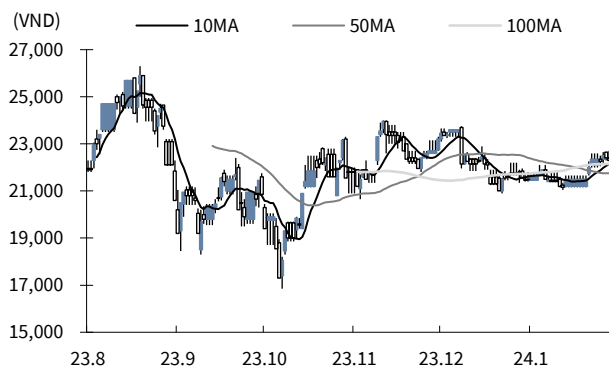


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- IDC tăng 2.12% lên 57,800 VND/cp

- Kết thúc năm 2023, Tổng Công ty IDICO - CTCP ghi nhận doanh thu 7,237 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với năm 2022. Kết quả, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp giảm 21%, còn 2,056 tỷ đồng. Xét về cơ cấu doanh thu, riêng mảng hạ tầng khu công nghiệp đem về cho Tổng Công ty IDICO gần 3,300 tỷ đồng doanh thu, chiếm 45.5% tổng doanh thu. Riêng trong quý 4/2023, nhờ ghi nhận doanh thu từ các khu công nghiệp Cầu Ngàn và Hựu Thạnh, doanh thu của Tổng Công ty IDICO đạt tới 2,239 tỷ đồng, tăng 85% so với cùng kỳ năm 2022.

CTCP Tập đoàn GELEX (GEX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GEX giảm 0.45% xuống còn 22,300 VND/cp

- Thông tin trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM, nhóm quỹ Dragon Capital đã bán 1 triệu cổ phiếu GEX của CTCP Tập đoàn Gelex thông qua quỹ thành viên Wareham Group Limited. Giao dịch được thực hiện vào ngày 16/2. Sau giao dịch, sở hữu của cả nhóm quỹ giảm từ 43.35 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 5.09%) xuống còn 42.35 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 4.97%). Với tỷ lệ sở hữu mới này, Dragon Capital đã không còn là cổ đông lớn của Tập đoàn Gelex từ ngày 20/2.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên giao dịch với diễn biến giằng co rung lắc là chủ đạo
- Sự suy yếu xuất hiện có phần rõ nét hơn ở một số cổ phiếu trụ và các nhóm ngành dẫn dắt trong các nhịp tăng vừa rồi khiến cho dòng tiền đánh mất trạng thái hưng phấn, thể hiện sự thận trọng hơn. Lực cầu cũng vận động tương đối phân hóa khi chỉ gia tăng vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ riêng lẻ, chưa tăng trong giai đoạn trước. Mặc dù rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang hiện hữu, quán tính tăng điểm được kỳ vọng sớm quay trở lại trong những nhịp tới.
- NĐT được khuyến nghị kê mua trở lại từng phần khi các mã mục tiêu riêng lẻ quay lại các vùng hỗ trợ (tùy mức độ chấp nhận rủi ro để lựa các điểm đỡ nông hay sâu) hoặc khi chỉ số chung quay xuống điểm đỡ quanh 1170 (+10) (kịch bản khó xảy ra hơn, tương ứng khi các mã về vùng hỗ trợ sâu).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1255 - 1258

Kháng cự gần: 1242 - 1246

Hỗ trợ gần: 1232 - 1234

Hỗ trợ xa: 1215 - 1220

- F1 trải qua một phiên giảm điểm với diễn biến giằng co rung lắc là chủ đạo.
- Chỉ số hình thành mẫu nến spinning cho thấy sự giằng co tương đối quyết liệt giữa 2 phe. Tuy nhiên, dòng tiền đang chững lại và phe mua phần nào thể hiện sự yếu thế hơn dưới áp lực rung lắc quanh các ngưỡng kháng cự. Nhiều khả năng F1 sẽ chịu áp lực điều chỉnh ngắn hạn trong những nhịp tới. Mặc dù vậy, lực cầu được kỳ vọng sẽ sớm cho phản ứng trở lại quanh các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Long đã mở và gia tăng thêm tỷ trọng khi F1 lùi về các ngưỡng hỗ trợ xa hơn.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

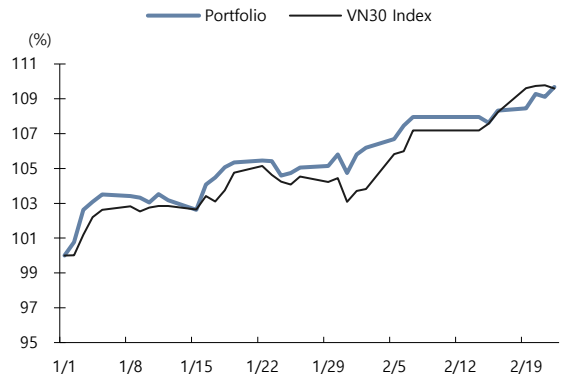
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.18%	0.53%
Tăng lũy kế (YTD)	9.58%	9.68%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/02/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	34,650	-0.9%	34.6%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
VN Rubber Group (GVR)	02/01/2024	27,950	-0.7%	24.5%	- Giá và sản lượng cao su GVR trong 2024 dự kiến giữ đà tăng trưởng - Nam Tân Uyên 3 là động lực tăng trưởng KCN của GVR trong ngắn và trung hạn - GVR liên tục phát triển thêm các dự án mới, mở rộng quỹ đất KCN
FPT (FPT)	01/02/2024	104,600	-1.2%	7.9%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PV Trans (PVT)	02/01/2024	26,650	0.0%	2.9%	- Bất ổn tại những nút giao thương hàng hóa trọng yếu có thể gây áp lực giá cước vận tải - Ghi nhận doanh thu cả năm cho các tàu mua từ 2023 - Kỳ vọng mở rộng thêm đội tàu trong 2024
PV Drilling (PVD)	02/01/2024	29,300	2.8%	6.0%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	02/01/2024	21,000	0.0%	4.0%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
PC1 Group (PC1)	02/01/2024	29,250	1.9%	-2.5%	- Xây lắp điện được dự báo hồi phục với động lực chính từ các dự án thuộc EVN - Sản lượng mảng NLTT kỳ vọng ổn định hơn từ 3Q2024 trở đi giúp cải thiện lợi nhuận
Viettelpost (VTP)	02/01/2024	72,300	4.8%	8.7%	- VTP kỳ vọng cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ dù áp lực giảm giá cước vẫn cao - Thị trường chuyển phát nhanh Việt Nam dự báo tăng trưởng CAGR 24%/năm - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần lên 21%
Coteccons (CTD)	01/02/2024	68,900	0.3%	0.1%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Mobile World (MWG)	01/02/2024	45,300	-1.7%	5.1%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MSB	1.6%	27.5%	481.1
STB	2.6%	24.1%	191.3
AAA	3.7%	4.8%	83.1
BID	0.7%	17.3%	44.6
KDH	3.5%	37.3%	39.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.4%	25.0%	-148.0
MWG	-1.5%	45.3%	-94.6
GEX	-0.4%	11.4%	-75.8
MSN	-1.2%	27.8%	-52.1
NVL	-1.1%	3.8%	-50.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.4%	1.9%	8.0
DHT	3.0%	34.8%	5.8
TNG	1.0%	21.0%	5.5
DTD	2.1%	1.4%	4.7
LAS	1.1%	1.1%	1.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-0.6%	9.9%	-23.9
PVS	-1.1%	19.8%	-19.8
CEO	-0.5%	5.4%	-17.7
MBS	-1.1%	0.5%	-1.7
VCS	1.0%	2.6%	-1.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính đa dạng	9.5%	EVF, OGC
Hóa chất	7.4%	GVR, DGC, DPM, DCM
Quản lý & phát triển bất động sản	6.8%	VHM, VIC, NVL, BCM
Sản phẩm xây dựng	6.2%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thực phẩm	4.5%	VNM, MSN, KDC, VHC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	-1.4%	TTF, GDT, EVE, SAV
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-1.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Máy móc	-0.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hàng không dân dụng	-0.8%	VJC, HVN
Kim loại & khai thác	-0.8%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	17.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Phụ tùng oto	12.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Công nghệ	8.4%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	8.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Bao bì & đóng gói	7.1%	TDP, SVI, MCP, TPC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-5.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Đồ gia dụng	-3.6%	TTF, GDT, EVE, SAV
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.7%	TLG, ILB, APC, ST8
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.3%	TNH, JVC, VMD
Hàng không dân dụng	-1.2%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	165,945 (6.8)	22.5	102.7	32.6	14.7	0.6	2.6	1.6	1.5	0.7	11.9	9.9	6.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	268,810 (11.0)	26.6	5.4	4.6	35.9	17.7	18.0	1.0	0.8	-0.4	6.8	4.2	3.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	257,079 (10.5)	17.8	14.1	12.7	-7.6	10.9	11.4	1.5	1.4	1.5	20.0	10.5	13.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	405,106 (16.6)	31.3	-	33.8	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	-1.4	-2.3	-1.2	0.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	52,929 (2.2)	11.6	26.5	26.1	13.7	8.2	7.4	1.8	1.8	-1.2	3.0	3.8	3.2
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	144,072 (5.9)	13.9	48.5	32.3	-	2.7	3.7	1.2	1.2	-1.3	-1.1	-3.6	-4.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	94,564 (3.9)	6.3	13.6	11.9	11.7	19.4	18.3	2.4	2.1	-1.9	-0.4	-2.7	11.5
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	82,172 (3.4)	12.7	12.2	9.6	-5.3	18.9	19.0	2.0	1.7	0.0	1.6	-0.1	14.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	257,282 (10.5)	0.0	6.4	5.2	14.3	16.0	16.8	0.9	0.8	3.3	4.9	15.3	26.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	280,208 (11.4)	1.4	8.9	7.1	50.3	17.0	18.4	1.3	1.1	0.4	2.0	9.3	31.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	212,053 (8.7)	0.0	9.5	7.0	18.8	11.3	13.8	1.0	0.9	-0.3	-0.5	-0.5	2.6
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	417,521 (17.1)	0.0	5.4	4.7	14.6	23.1	22.9	1.1	0.9	-0.2	-0.8	8.4	28.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	149,224 (6.1)	4.2	5.6	5.8	23.3	23.0	18.9	1.2	1.0	-2.6	-3.2	8.0	12.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	558,086 (22.8)	14.0	5.6	4.4	26.5	21.1	22.3	1.1	0.9	-1.4	-0.6	2.6	11.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	217,492 (8.9)	0.0	7.0	5.5	37.4	18.8	19.0	1.1	1.0	0.3	3.7	4.8	12.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	226,864 (9.3)	0.2	-	-	27.3	11.4	12.4	-	-	-0.5	-1.6	-6.3	1.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	15,913 (0.6)	21.0	17.9	15.6	15.8	8.0	8.8	1.4	1.3	-0.7	2.1	2.3	6.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	6,202 (0.3)	14.2	9.6	8.3	9.1	12.5	13.5	1.0	0.9	-0.4	2.9	3.9	7.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	643,852 (26.3)	55.4	22.2	18.4	-3.2	10.0	11.5	2.2	2.2	-0.9	-1.3	2.1	5.6
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	256,212 (10.5)	71.9	27.3	20.2	-4.0	13.4	14.2	2.9	2.8	-1.2	-2.0	4.6	3.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	195,012 (8.0)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-1.1	-1.7	6.8	11.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	491,034 (20.1)	27.2	19.4	14.6	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	-0.4	-2.2	2.5	1.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	246,026 (10.0)	42.1	15.6	15.2	4.0	29.5	30.9	4.3	4.6	0.4	5.9	4.8	5.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	54,313 (2.2)	36.9	17.6	16.7	7.3	19.6	19.4	3.4	3.1	-0.2	-0.7	-4.8	-7.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	165,165 (6.7)	16.5	43.2	24.1	-51.9	7.8	15.5	3.4	3.0	0.1	4.9	0.6	1.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	29,542 (1.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.9	6.7	-6.7	-7.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,231 (2.7)	11.0	24.5	15.0	-88.5	13.7	17.9	3.1	2.5	0.4	-0.9	-1.9	-4.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	66,446 (2.7)	10.8	19.2	16.9	-57.0	12.8	14.2	2.3	2.1	-0.6	2.6	3.5	1.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	199,697 (8.2)	38.4	24.4	-	65.7	3.8	-	-	-	0.3	0.0	3.8	11.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	251,979 (10.3)	37.7	26.6	21.9	-14.4	8.9	7.2	1.5	1.4	-0.4	1.4	2.3	-5.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	119,600 (4.9)	3.6	29.1	29.9	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	0.3	2.8	1.5	0.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	37,290 (1.5)	0.0	9.9	8.8	-4.5	12.2	13.9	1.2	1.2	-1.0	2.2	6.2	4.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	62,871 (2.6)	46.1	16.2	14.3	-17.5	17.2	16.4	2.4	2.3	0.3	2.9	2.1	3.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,586 (0.9)	31.4	-	15.7	-10.5	-6.0	12.7	-	-	-0.8	1.6	0.8	6.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,116 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.4	0.7	0.4	-6.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	587,845 (24.0)	18.0	12.7	9.6	21.9	12.1	13.6	1.4	1.3	-0.9	-0.5	0.9	2.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	66,806 (2.7)	36.5	18.9	15.4	-0.5	7.4	7.5	1.1	1.1	-1.1	1.8	5.3	3.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	132,271 (5.4)	46.5	10.7	11.1	-4.5	16.6	15.2	1.5	1.6	-0.6	1.2	10.3	6.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	249,142 (10.2)	38.9	17.0	9.6	67.9	7.5	13.6	1.2	1.1	-0.7	-3.6	-2.2	-1.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	51,783 (2.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.8	2.3	15.5	17.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	21,993 (0.9)	4.6	13.9	13.0	-51.0	12.2	12.2	1.7	1.6	0.3	1.6	3.2	3.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	122,395 (5.0)	39.9	14.5	10.1	-11.9	7.4	10.0	1.1	1.0	2.8	2.4	7.5	3.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	80,729 (3.3)	35.9	7.8	7.1	2.2	14.7	15.8	1.2	1.0	0.0	-0.4	0.8	0.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	348,145 (14.2)	0.0	25.8	16.1	14.4	9.2	14.0	2.6	2.4	-1.7	-1.2	-1.8	5.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	96,740 (4.0)	0.0	14.6	12.9	2.4	20.7	20.1	2.7	2.3	1.7	-1.4	2.2	4.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	11,732 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.7	5.2	6.2	-7.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	74,839 (3.1)	30.3	45.8	23.1	-75.2	22.8	30.7	8.9	7.3	-0.2	0.9	25.5	18.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,935 (1.1)	34.6	19.1	-	41.2	11.7	-	-	-	0.0	4.4	15.5	13.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,518 (0.1)	45.4	15.3	-	10.7	19.5	-	-	-	-0.5	2.1	3.1	5.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	217,906 (8.9)	0.0	17.6	14.3	15.5	26.1	26.5	4.5	3.9	-1.2	0.6	8.5	8.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.